

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2024/HNGĐ-ST**.
Ngày: 25/01/2024.
V/v tranh chấp: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà: Nguyễn Thị Kim Chi;
- Bà: Lê Kim Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Ông La Tương Lai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ – kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 512/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S – sinh năm xxxx; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Phạm Trọng K - sinh năm xxxx; Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh T (vắng mặt không lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Chị và anh Phạm Trọng K cưới nhau vào tháng 8/2018, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau nên chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Đăng D sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện cháu đang sống chung anh chị. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi, lao động được.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Trọng K vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn anh Phạm Trọng K vắng mặt không lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng trình tự, qui định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[2] Xét nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Trọng K mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị S, anh K.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh K cưới nhau vào tháng 8/2018, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau nên chị S và anh K đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Nay chị S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với anh K. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh K không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh K vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như đến Tòa án để giải quyết theo yêu cầu

khởi kiện của chị S. Điều đó cho thấy anh K không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến vợ và con. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu S.

[4] Về con chung: Chị S khai có 01 con chung tên Phạm Đăng D sinh ngày xx/xx/xxxx, hiện cháu đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con. Xét yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của chị S là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử giao cho chị S được tiếp tục nuôi cháu D và anh K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị S yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi, lao động được. Xét yêu cầu của chị S là có cơ sở vì anh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng, tuy nhiên anh K không có ý kiến phản đối đối với mức yêu cầu cấp dưỡng của chị S. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi, lao động được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị S, anh K phải chịu án phí theo qui định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 233, khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu S. Chị Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với anh Phạm Trọng K.

2. Về con chung: Giao chị S được tiếp tục nuôi cháu Phạm Đăng D sinh ngày xx/xx/xxxx. Buộc anh Phạm Trọng K cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, bắt đầu thực hiện từ tháng 02 năm 2024 cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi, lao động được và anh được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí:

- Buộc anh Phạm Trọng K phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Nguyễn Thị Thu Sương phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí HNST nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0029186 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, nên chị S đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Tuấn